

CÔNG TY CỔ PHẦN KELOPH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KELOPH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KELOPH JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108580099

3. Ngày thành lập: 09/01/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Cụm 11, Xã Thọ An, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác gỗ	0220
2.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
3.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
4.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
5.	Sản xuất nội hơi (trừ nội hơi trung tâm)	2513
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá) Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
7.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm mua bán vàng miếng) Chi tiết: Bán buôn sắt thép	4662
8.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
9.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
10.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
11.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
12.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
13.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
14.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
15.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
16.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022

17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	4659
18.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. - Giám sát thi công xây dựng cơ bản.	7110
19.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Không bao gồm hoạt động đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất) Chi tiết: Tư vấn, môi giới Bất động sản (Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014)	6820
20.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
21.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
22.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác Chi tiết: - Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự	1621
23.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
24.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
25.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
26.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
27.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
28.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
29.	Sản xuất sợi	1311
30.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
31.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, nút chữ T, ống cao su,...;.	4663

32.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
33.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
34.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
35.	Xây dựng công trình điện	4221
36.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
37.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
38.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
39.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
40.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
41.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
42.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
43.	Xây dựng nhà không để ở	4102
44.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
45.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
46.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
47.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
48.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Không bao gồm hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm) Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
50.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
51.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
52.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
53.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
54.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THỊ THANH PHƯƠNG	P1006 Nơ 6A , Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	50,000	013114282	
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	50,000		
2	BÙI HẢI ÂU	Số 14 Ngách 122/22 Đường Láng, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	270.000	2.700.000.000	30,000	034087005210	
			Tổng số	270.000	2.700.000.000	30,000		
3	NGUYỄN THỊ NHUNG	Cụm 11, Xã Thọ An, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	20,000	017207148	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	--	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI HẢI ÂU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/06/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034087005210

Ngày cấp: 28/11/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14 Ngách 122/22 Đường Láng, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 14 Ngách 122/22 Đường Láng, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội